

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ43,900

Tiềm năng tăng/giảm: 15.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2025)	37,900
Mã Bloomberg	BID VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,093-43,022
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	37,325
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	261,396
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	9,928
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,897
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,069
Slg CP NN được mua (tr.đv)	877
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.3%
Tỷ lệ freefloat	4.01%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước (81.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,761	3,062	3,429
Dư nợ cho vay (ntđ)	2,056	2,364	2,696
Tổng thu nhập HD (ntđ)	81.1	84.6	97.7
Lợi nhuận thuần (ntđ)	25.3	27.3	32.4
BVPS (đồng)	20,250	23,952	28,095
EPS (đồng)	3,663	3,908	4,502
DPS (đồng)	0	400	450
T.trưởng cho vay KH (%)	15.7	15.0	14.0
T.trưởng thu nhập HD (%)	10.6	4.40	15.5
Tăng trưởng EPS (%)	16.2	6.71	15.2
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	12.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	10.2	10.00
ROAE (%)	19.6	17.7	17.3
ROAA (%)	1.00	0.94	1.00
Tỷ lệ NIM (%)	2.43	2.36	2.46
Tỷ lệ CIR (%)	34.5	32.3	30.2
Hệ số CAR (%)	9.20	9.35	10.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.41	1.40	2.15
LLR/nợ xấu (%)	131	111	65.7
Hệ số LDR (%)	105	106	106
P/B (lần)	1.87	1.58	1.35
P/E (lần)	10.3	9.70	8.42
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.06	1.19

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ngân hàng thương mại lớn nhất tại Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Dịch Vụ Tài
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Q3/2025: Tăng trưởng 17%; thấp hơn so với dự báo

- BID đã công bố LNTT Q3 đạt 7,6 nghìn tỷ đồng, tăng 17%, nhờ thu nhập lãi thuần tăng 8% và thu nhập ngoài lãi tăng 83%. LNTT 9 tháng đầu năm 2025 đạt 23,6 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 68% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi.
- Tín dụng tăng trưởng chậm ở mức 8,8% so với đầu năm và tỷ lệ NIM vẫn khiêm tốn ở mức 2,1%. Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 1,87%.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 1 tháng qua, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,39 lần, thấp hơn 23% so với VCB và chỉ cao hơn 6% so với CTG. HSC duy trì khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025 vào ngày 30/10/2025

BID đã công bố LNTT Q3/2025 đạt 7,6 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ nhưng giảm 12% so với quý trước, nhờ thu nhập lãi thuần tăng 8% so với cùng kỳ và thu nhập ngoài lãi tăng 83% so với mức nền thấp cùng kỳ, trong khi chi phí hoạt động và chi phí dự phòng tăng lần lượt 17% và 39% so với cùng kỳ. Kết quả thực hiện Q3/2025 thấp hơn so với dự báo của chúng tôi (9 nghìn tỷ đồng).

LNTT 9 tháng đầu năm 2025 đạt 23,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ, hoàn thành 68% kế hoạch cả năm 2025 và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi, chủ yếu do tỷ lệ NIM thu hẹp.

Tín dụng tăng trưởng chậm hơn trong nhóm NHTM có vốn nhà nước

Tín dụng tăng trưởng 8,8% kể từ đầu năm (tăng 2,8% so với quý trước) đạt 2.237 nghìn tỷ đồng, thấp hơn tăng trưởng bình quân ngành ở mức 13,4% và cũng thấp hơn so với CTG (15,6%) & VCB (12,4%). Theo Ngân hàng, tín dụng phân khúc bán lẻ & FDI là động lực tăng trưởng chính, tăng lần lượt 9,2% và 29,4% so với cùng kỳ. Trong khi đó, tín dụng phân khúc khách hàng doanh nghiệp (bao gồm doanh nghiệp lớn và DNNVV) tăng trưởng chậm lại ở mức 6,3% so với cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q3/2025, BID

LNTT 9 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành 68% dự báo cả năm và thấp hơn một chút so với dự báo 9 tháng của chúng tôi

	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% 2025 HSCF
Thu nhập lãi thuần	13,990	15,173	8%	42,369	44,110	4%	68%
Thu nhập ngoài lãi	3,269	5,982	83%	12,286	17,033	39%	86%
Lãi thuần HD dịch vụ	1,475	1,734	18%	5,107	5,160	1%	70%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	732	965	32%	3,924	3,186	-19%	53%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	(549)	584		(82)	1,638		230%
Thu nhập khác	1,505	2,555	70%	3,037	6,670	120%	130%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	106	144	36%	301	379		77%
Tổng thu nhập HD	17,259	21,154	23%	54,655	61,143	12%	72%
Chi phí HD	(6,307)	(7,375)	17%	(18,408)	(20,648)	12%	75%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	10,951	13,780	26%	36,247	40,494	12%	71%
Chi phí dự phòng	(4,453)	(6,186)	39%	(14,200)	(16,862)	19%	75%
LNTT	6,498	7,594	17%	22,047	23,632	7%	68%
Lợi nhuận thuần	5,151	5,953	16%	17,333	18,779	8%	69%

Nguồn: BID, HSC

Đối với huy động, tiền gửi tăng 6,9% so với cùng kỳ (tăng 0,7% so với quý trước) lên 2.087 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, nợ vay liên ngân hàng tăng 41% so với cùng kỳ lên 329 nghìn tỷ đồng & giấy tờ có giá tăng 3% so với cùng kỳ lên 205 nghìn tỷ đồng. BID - một NHTM có vốn nhà nước - tiếp tục cho vay ròng trên thị trường liên ngân hàng với giá trị cho vay ròng tăng lên 124 nghìn tỷ đồng từ 96 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q1/2025. Tiền gửi KBNN tăng 18 nghìn tỷ đồng so với quý trước và tăng 8 nghìn tỷ đồng kể từ đầu năm lên 153 nghìn tỷ đồng tính đến cuối Q3/2025 (5,4% tổng vốn huy động).

Tỷ lệ NIM thu hẹp

Tỷ lệ NIM giảm nhẹ 1 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,1% trong Q3/2025 do lợi suất cho vay giảm 2 điểm cơ bản so với quý trước xuống 5,29% trong khi chi phí huy động cũng tăng 1 điểm cơ bản so với quý trước lên 3,3%. Tỷ lệ NIM tiếp tục thu hẹp do tốc độ tăng trưởng tín dụng chậm lại và môi trường lãi suất thấp trong quý.

Trong Q4/2025, tỷ lệ NIM được kỳ vọng sẽ tăng nhẹ nhờ lãi suất phục hồi nhưng khó có thể hoàn thành dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi (2,36%).

Thu nhập lãi thuần Q3/2025 tăng 8% so với cùng kỳ đạt 15,1 nghìn tỷ đồng, nâng tổng thu nhập lãi thuần 9 tháng đầu năm 2025 lên 44,1 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 68% dự báo cho cả năm 2025 và thấp hơn dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh nhờ thu nhập khác mạnh mẽ

Thu nhập ngoài lãi tăng mạnh 83% so với cùng kỳ trong Q3 lên 6 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ:

- Thu nhập khác tăng 70% so với cùng kỳ lên 2.555 tỷ đồng; và
- Lãi mua bán trái phiếu 584 tỷ đồng, sau khi lỗ 549 tỷ đồng trong Q3/2024.
- Lãi thuần HĐ dịch vụ tăng 18% so với cùng kỳ lên 1.734 tỷ đồng nhiều khả năng nhờ tín dụng tăng trưởng vừa phải.
- Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng 32% so với cùng kỳ đạt 965 tỷ đồng, có thể nhờ tần suất giao dịch ngoại hối thường xuyên hơn trong bối cảnh đồng VND chịu áp lực.

Trong đó, thu nhập từ thanh lý tài sản đảm bảo đóng vai trò quan trọng khi BID chủ động thu hồi giá trị từ các tài sản đã xử lý trước đó. Nhờ thị trường BĐS phục hồi tích cực, thu nhập khác 9 tháng đầu năm 2025 đạt 6.667 tỷ đồng, tăng 120% so với cùng kỳ, hoàn thành 130% dự báo cả năm và vượt xa dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Chi phí hoạt động tăng vừa phải

Tổng chi phí hoạt động tăng 17% so với cùng kỳ lên 7.375 tỷ đồng. Cơ cấu như sau:

- Chi phí lao động tăng 30% so với cùng kỳ lên 4.423 tỷ đồng, trong khi số lượng lao động chỉ tăng 2% so với cùng kỳ lên 29.740 người tại thời điểm cuối Q2/2025.
- Chi phí liên quan đến tài sản tăng 2% so với cùng kỳ lên 1.112 tỷ đồng.
- Chi phí quản lý khác giảm 1% so với cùng kỳ xuống 1.435 tỷ đồng.

Hệ số CIR Q3 ổn định tăng nhẹ lên 34,9% từ 33,4% trong Q2/2025.

Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ

Tỷ lệ nợ xấu của BID giảm nhẹ xuống 1,87% từ 1,98% tại thời điểm cuối Q2/2025, trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 1,5% từ 1,54%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR cải thiện lên 95% từ 89% tại thời điểm cuối Q2/2025. Nợ xấu mới hình thành Q3/2025 ở mức 3,7 nghìn tỷ đồng (so với 9,5 nghìn tỷ đồng trong

Q2/2025 và 8,3 nghìn tỷ đồng trong Q3/2024), trong khi giá trị nợ được xử lý là 4,9 nghìn tỷ đồng.

Chi phí dự phòng tăng 39% so với cùng kỳ lên 6,2 nghìn tỷ đồng trong Q3/2025. Do đó, chi phí dự phòng 9 tháng đầu năm 2025 ở mức 16,8 nghìn tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ, hoàn thành 75% dự báo cả năm 2025 và sát với dự báo 9 tháng của chúng tôi. Chi phí tín dụng trượt 12 tháng trong Q3/2025 là 1,18%, tương đương giai đoạn 2023-2024 (1,1-1,2%). Mặc dù thấp hơn so với giai đoạn tái cấu trúc (bình quân khoảng 2% trong giai đoạn 2018-2021), chúng tôi tin rằng Ngân hàng có thể đã đẩy mạnh xử lý nợ xấu để tiếp tục nâng cao chất lượng tài sản.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 5% trong 1 tháng qua, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,39 lần, thấp hơn 23% so với VCB (Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu 70.200đ, 1,81 lần) và chỉ cao hơn 6% so với CTG (Mua vào, giá mục tiêu 60.000đ, 1,31 lần).

KQKD 9 tháng đầu năm 2025 của BID thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi chủ yếu do tỷ lệ NIM thấp hơn dự báo. HSC giữ nguyên khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	153	138	156	183	214
Chi phí lãi	(96.6)	(80.3)	(90.6)	(106)	(124)
Thu nhập lãi thuần	56.4	58.0	64.9	76.3	89.4
Lãi thuần HĐ dịch vụ	6.57	7.07	7.40	8.29	9.27
Lãi thuần HĐ KDNH	4.71	5.36	6.00	6.49	7.00
Lãi/lỗ từ mua bán CK	3.18	5.18	0.71	0.64	0.68
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.35	0.45	0.49	0.54	0.59
Thu nhập khác	2.08	4.99	5.14	5.50	6.04
Tổng thu nhập HĐ	73.3	81.1	84.6	97.7	113
Chi phí HĐ	(25.1)	(28.0)	(27.4)	(29.5)	(32.3)
LN trước dự phòng	48.2	53.1	57.3	68.2	80.7
Chi phí dự phòng	(20.6)	(21.1)	(22.4)	(26.8)	(31.7)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	27.6	32.0	34.9	41.3	49.1
Chi phí thuế TNDN	(5.61)	(6.26)	(6.98)	(8.27)	(9.81)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.30)	(0.47)	(0.56)	(0.67)	(0.81)
Lợi nhuận thuần	21.7	25.3	27.3	32.4	38.4
EPS (đồng)	3,151	3,663	3,908	4,502	5,186
DPS (đồng)	0	0	400	450	700
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,898	6,898	6,998	7,196	7,413
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,098	7,293	7,533
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,898	6,898	7,098	7,293	7,533

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	11.0	10.8	11.2	12.5	14.7
Tiền gửi tại NHNN	51.6	92.3	82.4	86.3	91.8
Tiền gửi tại các TCTD khác	212	280	286	291	297
Chứng khoán kinh doanh	6.97	12.7	13.6	14.7	16.0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0.67	0	0	0
Số dư cho vay thuần	1,737	2,018	2,328	2,657	3,005
Tổng dư nợ cho vay	1,778	2,056	2,364	2,696	3,046
Dự phòng rủi ro	(40.4)	(38.0)	(36.8)	(38.0)	(40.8)
Chứng khoán đầu tư	222	278	273	297	323
CK đầu tư sẵn sàng để bán	128	158	158	170	184
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	95.7	121	115	127	139
Dự phòng rủi ro	(0.90)	(1.20)	(0.38)	(0.35)	(0.33)
Đầu tư dài hạn	3.11	3.42	3.46	3.49	3.53
Tài sản cố định	11.1	12.1	12.7	13.4	14.0
Tài sản khác	45.5	52.9	52.9	52.9	52.9
Tổng tài sản	2,301	2,761	3,062	3,429	3,818
Nợ phải trả	2,178	2,616	2,887	3,218	3,573
Tiền gửi của NHNN	35.9	168	168	182	200
Tiền gửi của các TCTD khác	182	233	221	224	226
Tổng tiền gửi KH	1,704	1,953	2,227	2,538	2,868
Trái phiếu và CCTG	189	199	203	207	211
Nợ khác	53.5	50.5	55.5	55.5	55.5
Vốn chủ sở hữu	118	140	170	205	245
Vốn điều lệ	57.0	69.0	71.0	72.9	75.3
Thặng dư vốn cổ phần	15.4	15.4	21.1	27.0	34.4
Lợi nhuận giữ lại	33.6	36.2	58.4	80.7	106
Quỹ & vốn khác của CSH	11.7	18.7	19.6	24.3	29.8
Lợi ích cổ đông thiểu số	4.97	5.23	5.36	5.58	0.27
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,301	2,761	3,062	3,429	3,818
BVPS (đồng)	17,100	20,250	23,952	28,095	32,541

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	8.50	20.0	10.9	12.0	11.4
Tăng trưởng cho vay KH (%)	16.8	15.7	15.0	14.0	13.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	15.7	14.6	14.0	14.0	13.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	16.1	13.6	12.9	13.0	12.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.6	18.4	21.7	20.5	19.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	0.59	2.86	11.8	17.6	17.2
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	11.2	11.5	(2.13)	7.95	9.17
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	2.45	10.2	7.84	19.1	18.4
Tăng trưởng LNTT (%)	19.9	15.7	9.07	18.5	18.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	19.5	16.2	8.26	18.4	18.7
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.31	3.20	2.91	3.01	3.12
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.13)	(1.11)	(0.94)	(0.91)	(0.89)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.0	94.5	94.2	95.6	95.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.51	2.69	2.73	3.06	3.43
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	18.1	20.5	21.5	24.8	28.5
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	12.0	10.3	9.70	8.42	7.31
P/B (lần)	2.22	1.87	1.58	1.35	1.16
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.06	1.19	1.85
Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác					
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	29.7	31.2	32.3	33.1	34.0
ROAA (%)	0.98	1.00	0.94	1.00	1.06
ROAE (%)	20.0	19.6	17.7	17.3	17.1
Chi phí huy động BQ (%)	4.74	3.44	3.37	3.56	3.74
Lợi suất góp BQ (%)	7.29	5.78	5.67	5.88	6.15
Lợi suất thuần (%)	2.54	2.34	2.29	2.32	2.41
Tỷ lệ NIM (%)	2.69	2.43	2.36	2.46	2.57
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.97	8.73	8.75	8.48	8.20
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	77.0	71.6	76.7	78.0	79.1
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	14.1	19.7	14.6	13.5	12.7
Tỷ lệ CIR (%)	34.2	34.5	32.3	30.2	28.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	10.2	10.00	13.5
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.40	9.20	9.35	10.2	11.1
VCSH/Tổng TS (%)	5.13	5.06	5.55	5.98	6.42
Đòn bẩy vốn (lần)	19.5	19.8	18.0	16.7	15.6
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.26	1.41	1.40	2.15	2.05
Hệ số LLR (%)	181	131	111	65.7	65.3
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	104	105	106	106	106
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	8.78	9.77	8.35	7.53	6.83
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	77.3	74.5	77.2	78.6	79.8
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,198	1,234	1,271	1,309	1,348
Số lượng nhân viên	29,233	30,110	31,013	31,943	32,902

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn